TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/09/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa, ông: Lò Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lý Ngọc Sáng.
2. Ông: Nguyễn Công Đại.

- Thư ký phiên tòa, bà: Dương Thùy Linh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai C tham gia phiên Tòa, bà: Lò Thị Kẻo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 09 năm 2024, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án số: 02/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14 tháng 08 năm 2024 và Thông báo số: 02/2024/TB-TA ngày 09 tháng 09 năm 2024 về việc thông báo mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đao Thị T, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh L - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đao Văn M, sinh năm 1988 - Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh L - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/05/2024, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đao Thị T, trình bày: Chị và anh Đao Văn M tự nguyện yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại bản N, xã M, huyện M, tỉnh L, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M nghiện, không chịu tu trí làm ăn, còn hay đánh đập vợ sau khi lên cơn nghiện, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nên chị muốn ly hôn cắt đứt tình cảm với anh M.

- Về con chung. Vợ chồng có 02 con chung, do anh M nghiện ngập, làm nghề lao động tự do, đã bỏ nhà đi làm thuê ở tỉnh B, không quan tâm đến vợ con.

Hiện nay các con đang ở với chị, do chị trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị xác nhận đủ điều kiện nuôi sống bản thân và các con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Chị Đao Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 06/06/2024, Tòa án nhân dân huyện M, tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc, kết quả như sau:

+. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Đao Thị T và anh Đao Văn M. Có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp.

+. Về nơi cư trú, nơi ở và nơi làm việc. Vợ chồng chị Đao Thị T và anh Đao Văn M đều cư trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh L. Hiện tại anh Đao Văn M đã bỏ nhà đi làm thuê ở tỉnh B, không thông báo cho chính quyền địa phương biết, thỉnh thoảng có liên lạc bằng điện thoại về cho gia đình, nhưng anh M không nói rõ địa chỉ, nơi ở cụ thể cho chị T và gia đình biết.

- Tại biên bản xác minh ngày 06/07/2024 và Công văn số 36/CV-CAX, ngày 08/07/2024 của Công an xã M, huyện M, tỉnh L. Thì công dân Đao Văn M, sinh ngày 09/08/1998 - Số CCCD: 012088004188, có Hộ khẩu thường trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh L. Công việc chính là làm ruộng, lao động sản xuất nông nghiệp cùng với gia đình ở địa phương. Công dân Đao Văn M đã rời khỏi địa bàn khoảng 01 tháng nay, đi đâu, làm gì người thân và chính quyền địa phương không được biết.

- Ngày 10/07/2024, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L. Đã ra thông báo về việc vắng mặt nơi cư trú đối với anh Đao Văn M, tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/07/2024 và ngày 26/07/2024, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L. Đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Đao Văn M đều vắng mặt không có lý do.

- Ngày 26/07/2024 và ngày 09/08/2024, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L. Tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Do bị đơn Đao Văn M đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt và nguyên đơn Đao Thị T đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn chị Đao Thị T xác nhận không còn tình cảm với anh M, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đao Văn M.

Tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn chị Đao Thị T xác nhận, sau khi sống ly thân, đến tời điểm chị nộp đơn xin ly hôn tại tòa án thì anh Đao Văn M đã đi làm việc, sinh sống, cư trú ở đâu thì chị không biết, chị có hỏi thì được người nhà anh M cho biết hiện tại đang đi làm thuê ở tỉnh B. Chị có gọi điện thông báo cho anh M để nói chuyện về việc chị nộp đơn ly hôn, chị nghe anh M nói qua điện thoại là anh M không đến tòa án để giải quyết ly hôn, tùy chị T muốn làm gì thì làm. Chị có hỏi địa chỉ nhưng anh M không nói cho chị biết địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc cụ thể.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa. Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, Điều 51của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Đã xác định đúng theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về xác định tư cách tham gia tố tụng. Đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc gửi Thông báo, Quyết định tố tụng, Hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát. Đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 239,243, 247, 248, 249, 250, 251, 260 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Đã đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về việc giải quyết vụ án dân sự:

+. Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+. Căn cứ Điều 19; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đao Thị T: Chị T được ly hôn anh Đao Văn M. Giao các cháu Đao Hà M, sinh ngày 25/08/2012 và Đao Ánh L, sinh ngày 11/03/2018 cho chị Đao Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, chị T không yêu cầu cấp dưỡng. Buộc chị Đao Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Đao Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L giải quyết việc ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L.

[2]. *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ lần thứ hai, cho đến khi mở phiên tòa xét xử. Tòa án đã tuân theo đúng

các quy định tại các Điều 51, 239,243, 247, 248, 249, 250, 251 và Điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, giải quyết xét xử vụ án.

- Đối với (*nguyên đơn*) chị Đao Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với (*bị đơn*) anh Đao Văn M. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày Tòa án thụ lý ngày 05/06/2024 cho đến ngày Tòa án mở phiên Tòa xét xử, anh Đao Văn M đều vắng mặt, không có lý do, không có yêu cầu phản tố. Do vậy anh Đao Văn M không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1]. Về địa chỉ, nơi cư trú của anh Đao Văn M: Tại thời điểm chị Đao Thị T nộp đơn xin ly hôn ngày 20/05/2024, trong đơn chị T đã ghi đầy đủ họ tên, nơi cư trú, làm việc của người bị kiện là anh Đao Văn M. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đao Văn M đã rời khỏi địa bàn khoảng 01 tháng nay, đi đâu, làm gì người thân và chính quyền địa phương không được biết.

- Xét thấy: Việc bị đơn anh M rời khỏi địa bàn, nơi cư trú (đi làm thuê ở tỉnh B), nhưng không nói địa chỉ cụ thể nơi cư trú, nơi làm việc cuối cùng là ở đâu thuộc tỉnh B. Đã dẫn đến việc chị T không thể cung cấp địa chỉ, nơi cư trú mới của anh M cho Tòa án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác chị T cũng đã gọi điện trực tiếp để nói cho anh M biết về việc chị nộp đơn ly hôn và anh M cũng đã trả lời là tùy chị T muốn làm gì thì làm, do vậy anh M đã biết việc khởi kiện xin ly hôn của chị T.

- Căn cứ đơn khởi kiện ngày 20/05/2024 của nguyên đơn; các Biên bản xác minh thì bị đơn anh Đao Văn M có nơi cư trú ổn định, nhưng khi thay đổi nơi cư trú đã không nói rõ cho nguyên đơn là chị T biết cụ thể về nơi cư trú, làm việc mới cũng như việc không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, không có thỏa thuận khác về nơi cư trú.

- Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 40; khoản 1 Điều 43; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 4 Điều 189; Điều 192; Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy người bị kiện là anh Đao Văn M thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L, tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đao Thị T và anh Đao Văn M kết hôn năm 2014 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh M nghiện, không tu chí làm ăn và quan tâm đến gia đình, vợ con, chị T xác nhận cuộc sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đao Văn M. Ngoài yêu cầu ly hôn chị không có yêu cầu gì khác, xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị thuận là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: vợ chồng có 02 con chung, hiện các con đang ở với chị T, do chị trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị xác nhận đủ điều kiện nuôi sống bản thân và các con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Đao Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Chị Đao Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký tòa án; Về giải quyết nội dung vụ án; điều luật áp dụng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH.

- Căn cứ khoản 3 Điều 40; khoản 1 Điều 43; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm đ khoản 4 Điều 189; Điều 192; Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đao Thị T, sinh năm 1994 - Được ly hôn với anh Đao Văn M, sinh năm 1988.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chị Đao Thị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đao Thị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đao Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 - Số 0000682 ngày 05/06/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L.

5. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú, theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh L;.
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CCTHADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Niêm yết;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Xuân Hải